TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU -TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 6 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thái
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Dũng
2. Bà Huỳnh Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2024 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Tưởng Thị Thân S**, Sinh năm 1994, Địa chỉ: Tổ C, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt*

- Bị đơn: Ông **Đỗ Hữu M**, Sinh năm 1988, Địa chỉ: Tổ C, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Tưởng Thị Thân S trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đỗ Hữu M xây dựng gia đình vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường H, quận L (Chứng nhận kết hôn số: 123/2013, quyển số 01/2013). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở nhà trọ và từ năm 2016 chuyển về sinh sống tại nhà ba mẹ chồng ở tổ C, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Cả hai chung sống với nhau được thời gian

ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông M chơi bời không lo làm ăn, một phần do ông M có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải và bà S cũng đã giành cho ông M thời gian dài để sửa đổi nhưng không có kết quả. Từ năm 2017 khi bà S ra thành phố Hà Nội học tiếng Nhật và sau đó đi Nhật làm việc rồi trở về vào năm 2022 thì dù sống chung một nhà nhưng hai vợ chồng phần ai nấy sống không quan tâm đến nhau. Do mâu thuẫn quá trầm trọng nên tháng 01/2024 bà S đã đi nơi khác sinh sống cho đến nay. Tại phiên tòa, bà Tưởng Thị Thân S xác định không còn tình cảm với ông M, cho rằng mâu thuẫn không còn khả năng hàn gắn, hôn nhân không đạt được mục đích nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Đỗ Hữu M.

Về con chung: Bà Tưởng Thị Thân S xác định bà và ông Đỗ Hữu M có 01 con chung là Đỗ Thị Kim N - Sinh ngày 16/4/2014. Ly hôn, bà S yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tưởng Thị Thân S xác định bà và ông Đỗ Hữu M không có tài sản chung, không có nợ chung.

** Bị đơn là ông Đỗ Hữu M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn là ông Đỗ Hữu M trình tố tụng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không có ý kiến phản hồi là không tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đối với quan hệ hôn nhân: qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, có căn cứ xác định mâu thuẫn của vợ chồng giữa bà S và ông M đã trầm trọng, kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung: đề nghị căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng, ông M không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn xác định không có, bị đơn không có ý kiến nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

***Về tố tụng:**

[1] Nguyên đơn là bà Tưởng Thị Thân S khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với bị đơn là ông Đỗ Hữu M có địa chỉ cư trú tại tổ C, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Đỗ Hữu M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung vụ án:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tưởng Thị Thân S và ông Đỗ Hữu M tuân thủ đầy đủ các quy định về kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình, do vậy hôn nhân của ông bà hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông M, xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình "1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2 Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau …". Nhưng theo bà S trình bày thì ông M không có trách nhiệm với gia đình, không chung thủy nên vợ chồng mâu thuẫn kéo dài nhiều năm; từ tháng 01/2024 đến nay cả hai đã sống riêng mỗi người một nơi. Kết quả xác minh tại địa phương cũng thể hiện giữa bà S và ông M có mâu thuẫn và cả hai không còn sống chung. Mặt khác, trong suốt quá trình Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu giải quyết vụ án, ông M vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều đó chứng tỏ ông M không có thiện chí trong việc khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, hàn gắn quan hệ hôn nhân.

Do vậy, việc bà Tưởng Thị Thân S cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Hữu M là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà Tưởng Thị Thân S xác định bà và ông Đỗ Hữu M có 01 con chung là Đỗ Thị Kim N - Sinh ngày 16/4/2014. Ly hôn, bà S yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của bà S thì thấy: việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo quyền lợi cho con chung. Xét thấy, cháu Đỗ Thị Kim N là con gái và còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc, dạy dỗ của người mẹ, do vậy việc giao cháu N cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Bà S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tưởng Thị Thân S xác định bà và ông M không có tài sản chung và không có nợ chung; còn ông Đỗ Hữu M không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Tưởng Thị Thân S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" của bà Tưởng Thị Thân S đối với ông Đỗ Hữu M.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho bà Tưởng Thị Thân S ly hôn với ông Đỗ Hữu M.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thị Kim N - Sinh ngày 16/4/2014 cho bà Tưởng Thị Thân S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Ông Đỗ Hữu M không phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tưởng Thị Thân S xác định bà và ông Đỗ Hữu M không có tài sản chung, không có nợ chung. Ông Đỗ Hữu M không có ý kiến.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Tưởng Thị Thân S phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp theo biên lai thu số 0000550 ngày 20/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Bà S đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THA q.Liên Chiểu;
- UBND phường H;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

DƯƠNG THỊ THÁI